| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRẦN VĂN THỜI**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **28**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 02 - 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà:* Bà Từ Thanh Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Văn Năm.

Ông Nguyễn Việt Thắng.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Trương Huỳnh Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 744/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/12/2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/01/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Võ Hồng C, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C .

- *Bị đơn:* Võ Quốc D, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh C.

*Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2019 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:***

Vào năm 2009 chị C và anh D được 02 bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào ngày 14/8/2009 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 106/2009). Thời kỳ hôn nhân có 01 con chung tên Võ Quốc H, sinh 23/7/2010.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thoả thuận.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Chị C xác định trong cuộc sống hôn nhân vợ bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cự cải với nhau, nên dẫn đến đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng và không còn hạnh phúc, đời sống chung hiện nay không thể kéo dài.

Nay chị C yêu cầu ly hôn với anh D; về con chung yêu cầu nuôi, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết. Đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

***- Đối với bị đơn Võ Quốc D:*** Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, 02 lần để xét xử, nhưng anh đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Chị C xác định mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh D mâu thuẫn trầm trọng, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị C khởi kiện anh D về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con và anh D có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Mối quan hệ hôn nhân của chị C và anh D được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiến bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau; nhưng chị C và anh D không làm được điều đó mà lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó xác định chị C và anh D đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này sẽ không đảm bảo hạnh phúc về sau, nên cần chấp nhận cho chị C được ly hôn với anh D là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 106/2009 ngày 14/8/2009 của Ủy ban nhân dân xã K hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

[4] *Xét về con chung:*

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy con chung tên Võ Quốc H đã từ đủ 07 tuổi trở lên và có nguyện vọng được sống với chị C, do đó cần giao cháu Huy cho chị C nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh D có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này và anh D phải tôn trọng quyền của con chung được sống với chị C là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Chị C xác định đủ điều kiện nuôi dạy con chung đến tuổi trưởng thành, nên không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị C, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Xét về tài sản chung và nợ chung:* Chị C cho rằng tài sản chung và nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh D, nên không có căn cứ làm rõ phần tài sản chung và nợ chung giữa chị C và anh D. Do đó, cần tách phần tài sản chung và nợ chung ra, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] *Xét về án phí:* Chị C phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị C đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Hồng C.

- Về hôn nhân: Cho chị Võ Hồng C được ly hôn với anh Võ Quốc D.

- Về con chung: Giao cho chị C trực tiếp nuôi dạy con chung tên Võ Quốc H, sinh 23/7/2010. Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản anh D thực hiện quyền này và anh D phải tôn trọng quyền của con chung được sống với chị C.

Anh D có trách nhiệm giao cháu Võ Quốc H cho chị C nuôi dạy.

**2.** Về án phí sơ thẩm:

Chị C phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị C đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số: 0002898 ngày 29/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

**3.** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh C;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã K;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Từ Thanh Nhung**